

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK tiếp tục tăng điểm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của chứng khoán cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

REE, POW

[Cập nhật công ty]

ACB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ vị thế trading quanh ngưỡng kháng cự đã đề cập và đưa tỷ trọng về mức an toàn

09/03/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,055.95	+0.65
VN30	1,050.28	+0.93
HĐTL VN30F1M	1,050.70	+1.22
HNXIndex	209.03	+0.17
HNX30	370.93	+0.60
UPCoM	76.60	+0.14
USD/VND	23,708	-0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.35	-5
Lãi suất qua đêm (%)	5.95	+7
Dầu (WTI, \$)	76.46	-0.26
Vàng (LME, \$)	1,816.69	+0.16



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,055.95 (+0.65%)
KLGD (triệu CP) 557.6 (+20.4%)
GTGD (triệu US\$) 452.6 (+25.8%)

TTCK tiếp tục tăng điểm, trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, với thanh khoản tăng cao. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại DCM (+0.7%), VCB (0.9%), DXG (0%).

HNXIndex 209.03 (+0.17%)
KLGD (triệu CP) 55.1 (-44.4%)
GTGD (triệu US\$) 35.6 (-6.4%)

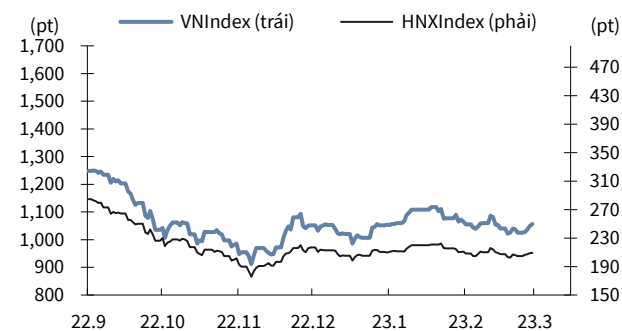
Chính phủ Trung Quốc quyết định đưa Việt Nam vào danh sách thí điểm mở cửa du lịch theo đoàn đợt 2 từ ngày 15/3. Trung Quốc là thị trường khách quốc tế lớn nhất của Việt Nam trước Covid-19. Nhóm cổ phiếu nhóm ngành hưởng lợi như hàng không, du lịch tăng ở HVN (+6.83%, SKG (+6.92%))

UPCoM 76.60 (+0.14%)
KLGD (triệu CP) 23.4 (-11.9%)
GTGD (triệu US\$) 11.9 (-8.0%)

Giá xăng dầu tiếp tục lao dốc bất chấp dự trữ dầu của Mỹ giảm. Giá dầu Brent giao tháng 5 giảm 63 cent, tương đương 0,8%, xuống mức 82,66 USD/thùng. Giá dầu WTI của Mỹ giảm 92 cent, tương đương 1,2%, xuống mức 76,66 USD/thùng. Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí giảm ở PVS(-1.5%), PVC(-2.4%)

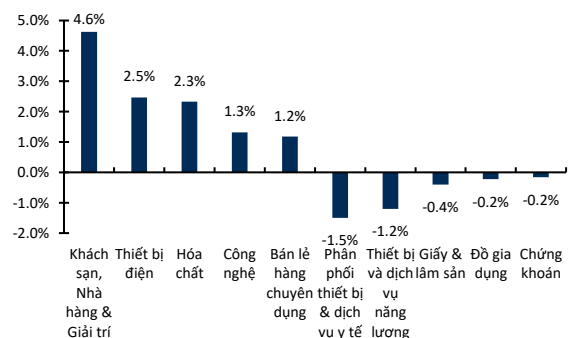
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +7.7

VNIndex & HNXIndex



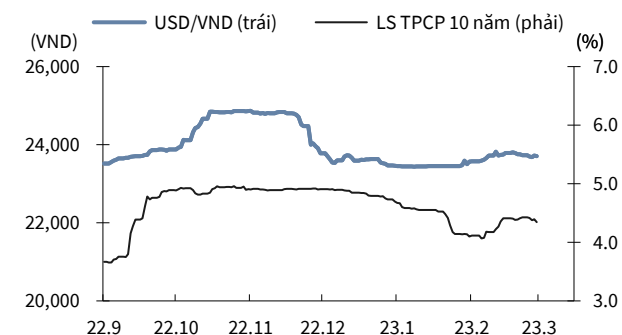
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



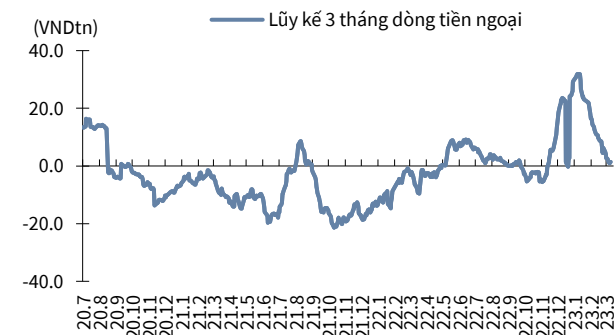
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

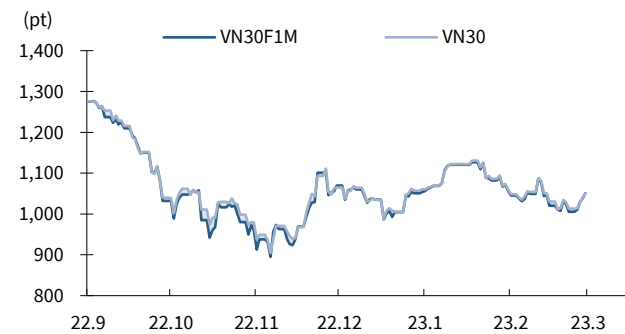
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,050.28 (+0.93%)
VN30F1M	1,050.7 (+1.22%)
Mở cửa	1,042.7
Cao nhất	1,057.8
Thấp nhất	1,036.0

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của chứng khoán cơ sở. Chênh lệch F2303 và chỉ số VN30 ghi nhận mức cao nhất phiên tại 2.8 điểm ở đầu phiên sáng, sau đó đảo chiều và biến động quanh mức -3 điểm suốt phiên, đóng cửa tại 0.42 điểm. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.

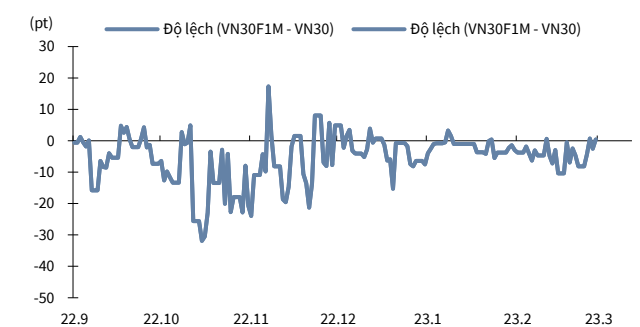
KLGD (HĐ)	349,148 (-3.5%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



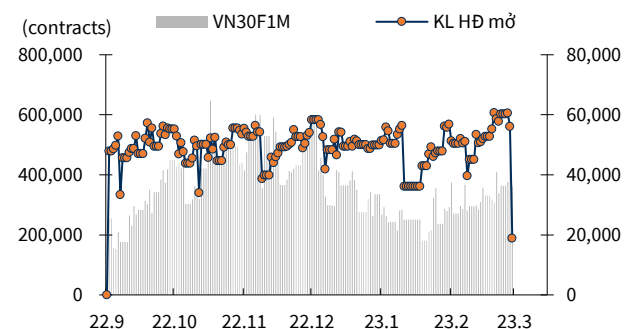
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



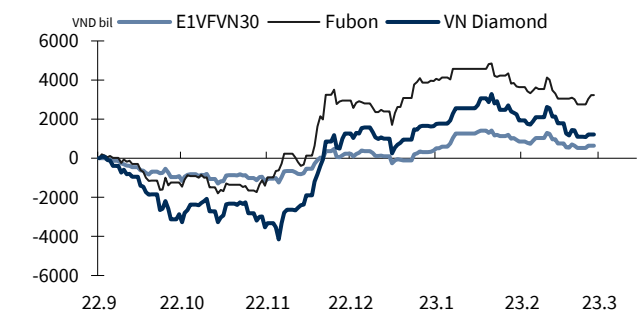
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

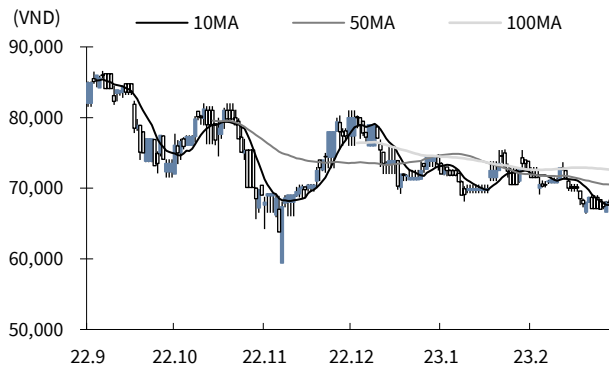
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

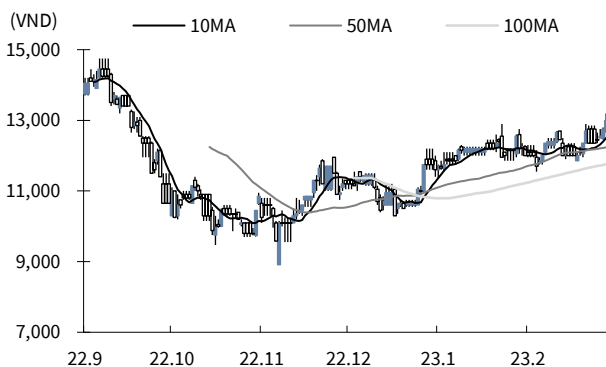
CTCP Cơ Điện Lạnh (REE)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- REE giá không đổi tại 68,000 VND/cp
- Hội đồng quản trị của REE cho biết sẽ trình cổ đông về phương án chia tỷ lệ cổ tức năm 2022 là 25%, trong đó 10% là tiền mặt, trong buổi đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra vào ngày 31/3. Với hơn 356.4 triệu cổ phiếu đang lưu hành, REE sẽ chi ra khoảng 356.4 tỷ đồng để thanh toán cổ tức tiền mặt. Thời gian thanh toán dự kiến vào ngày 7/4.

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (POW)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW tăng 2% lên 13,000 VND/cp
- POW công bố kết quả kinh doanh tháng 2 với doanh thu ước đạt 2,809 tỷ đồng, tăng 64% MoM, tăng 35% YoY. Tổng sản lượng điện từ các nhà máy điện khoảng 1,5 tỷ kWh, tăng 36% MoM. So với mục tiêu đề ra, công ty vượt lần lượt 49% và 45% về kết quả doanh thu, tổng sản lượng điện.

Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

Duy trì tăng trưởng cao cùng bảng cân đối lành mạnh

Chuyên viên Phân tích Tài chính

Nguyễn Đức Huy

huynd1@kbsec.com.vn

08/03/2022

KQDK 2022 duy trì tăng trưởng cao

Tổng thu hoạt động (TOI) tiếp tục lập đỉnh mới theo quý ở mức 7,926 tỷ VND (+11.8%QoQ và 32.7%YoY). Chi phí hoạt động (OPEX) trong kì tăng tới 60.9%QoQ và 68.1%YoY trực tiếp làm thu hẹp lợi nhuận của ngân hàng. Chi phí dự phòng quý 4 giảm mạnh so với cùng kỳ, từ đó LNTT quý 4 vẫn tăng 19.2%YoY. Lũy kế cả năm 2022, ACB ghi nhận 17,114 tỷ VND lợi nhuận trước thuế, tăng mạnh 42.6%YoY.

NIM của ACB bắt đầu cảm nhận áp lực từ chi phí vốn

Chi phí nguồn vốn huy động quý 4 tăng tới 0.74 điểm %QoQ và 1 điểm %YoY, đạt 4.32%. Nhờ sự hấp thụ tốt của danh mục cho vay mà NIM quý 4 vẫn tăng nhẹ 0.06 điểm %QoQ và 0.65 điểm %YoY. ACB là một trong số ít các ngân hàng vẫn ghi nhận NIM liên tục cải thiện theo quý.

Nợ xấu được kiểm soát tốt nhưng nợ nhóm 2 tăng mạnh

Tỷ lệ nợ xấu (NPL) của ngân hàng vào cuối năm 2022 là 0.74% giảm nhẹ 0.03 điểm %YoY. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu duy trì ở mức cao là khoảng 159.3%. Quy mô nợ nhóm 2 trên tổng dư nợ tăng mạnh lên mức 0.6% do cập nhật theo CIC nhưng không đáng lo ngại và được dự báo sẽ giảm dần.

Ngân hàng có dư địa giảm lãi cho vay mà vẫn đảm bảo NIM ổn định

Việc giảm lãi suất cho vay sẽ đem đến nhiều lợi ích như tăng độ kết dính giữa ngân hàng và khách hàng hiện hữu, thu hút khách hàng mới cũng như được NHNN ưu ái khi cấp room tín dụng. Dù giảm lãi suất nhưng NIM được đánh giá là vẫn sẽ ổn định nhờ biên độ tăng LS huy động không quá lớn và kỳ vọng CASA cải thiện hồi phục nhờ app giao dịch cho doanh nghiệp.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 30,500 VND/cp

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu cho năm 2022 của cổ phiếu ACB là 30,500 VND/cp, cao hơn 22.0% so với giá tại ngày 08/03/2023. Khuyến nghị MUA.

Mua

Giá mục tiêu	VND 30,500
Tăng/giảm	22,0%
Giá hiện tại (08/03/2023)	25,000
Giá mục tiêu thị trường	31,700
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	84,098

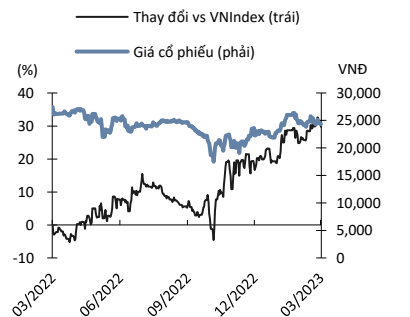
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	83.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	75.38
Sở hữu nước ngoài (%)	30%
Cơ cấu cổ đông	
Dragon Financial Holding	8.06%

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-2.4	9.0	-1.4	-8.6
Tương đối	3.5	11.3	22.6	33.3

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	18,945	23,534	27,254	31,664
LN trước CF DPRRTD (tỷ VND)	15,334	17,185	21,776	25,485
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	9,603	13,688	16,846	19,305
EPS	3,498	4,008	3,990	3,658
Tăng trưởng EPS (%)	-0.4%	14.6%	-0.4%	-8.3%
PER (x)	9.71	6.98	7.01	7.65
Giá trị số sách/CP (BVPS)	16,219	16,968	17,681	17,785
PBR (x)	2.09	1.65	1.58	1.57
ROE (%)	23.9%	26.5%	25.1%	22.6%
Tỷ lệ cổ tức (%)	25%	25%	25%	25%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm giảm co với các nhịp tăng giảm đan xen đến cuối phiên.
- Thanh khoản cải thiện tích cực hỗ trợ cho đà tăng điểm của chỉ số và để ngỏ cơ hội mở rộng nhịp hồi phục trong các phiên tiếp theo. Mặc dù vậy, VNIndex sẽ sớm gặp áp lực điều chỉnh trở lại quanh ngưỡng kháng cự mạnh 1070, tương ứng với cạnh trên của kênh giảm điểm thiết lập hồi tháng 2.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ vị thế trading quanh ngưỡng kháng cự đã đề cập và đưa tỷ trọng về mức an toàn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1065 - 1070

Kháng cự gần: 1057 - 1061

Hỗ trợ gần: 1040 - 1043

Hỗ trợ xa: 1030 - 1035

— F1 tăng điểm giảm co với biên độ mở rộng về cuối phiên.

— Lực cầu bên mua áp đảo bên bán đã giúp cho chỉ số có một phiên chồm phá ngưỡng cản gần quanh 1045-1050. Mặc dù cơ hội mở rộng nhịp hồi phục trong các phiên tới vẫn tiếp tục hiện hữu, áp lực điều chỉnh sẽ sớm quay trở lại khi F1 tiếp cận ngưỡng kháng cự mạnh quanh 106x, tương ứng với cạnh trên của kênh giảm điểm thiết lập hồi tháng 2

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ,.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh các ngưỡng kháng cự nhưng đặt STOP chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

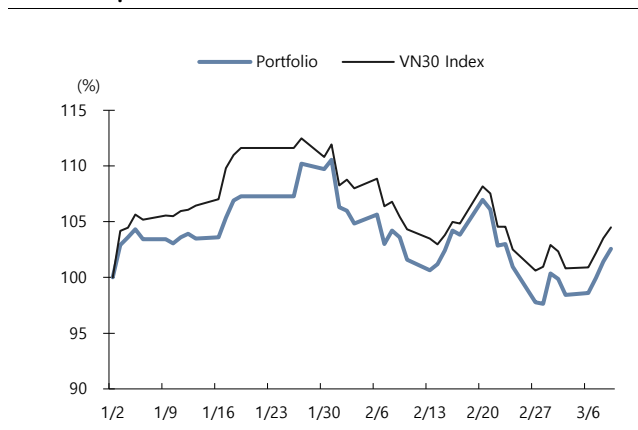
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.93%	1.13%
Tăng lũy kế (YTD)	4.49%	2.56%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 09/03/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	40,000	1.5%	3.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	19,800	0.0%	-5.5%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay kỷ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	79,900	-0.1%	39.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	24,500	2.3%	0.0%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	14,250	5.6%	-16.7%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	80,600	1.4%	232.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	29,400	0.0%	55.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	106,800	0.8%	45.5%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,200	0.0%	90.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbacs City Development (KBC)	09/03/2020	22,800	-0.2%	121.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HSG	0.0%	10.4%	65.4
SSI	0.0%	42.8%	55.7
POW	2.0%	6.2%	39.2
HPG	0.0%	23.4%	37.5
VRE	-0.9%	32.5%	29.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DCM	0.7%	10.2%	-54.0
VCB	0.9%	23.6%	-57.7
FUEFVND	1.8%	97.1%	-18.3
DXG	0.0%	19.9%	-11.9
SAB	0.0%	62.6%	-44.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CEO	-1.0%	2.7%	11.3
IDC	3.0%	1.0%	5.1
PVG	1.3%	3.2%	0.1
KVC	7.1%	1.0%	0.1
MBS	0.0%	0.8%	0.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	0.0%	6.8%	-7.1
PVS	-1.5%	20.3%	-1.6
TNG	-1.6%	11.5%	-1.5
PVC	-2.4%	0.8%	-0.4
PVI	0.0%	59.6%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	4.8%	SSI, VND, HCM, VCI
Hàng hải	4.2%	VSC, VOS, SKG, VTO
Kim loại & khai thác	3.2%	HPG, HSG, NKG, KSB
Thiết bị điện	3.0%	GEX, SAM, CAV, RAL
Xây dựng và kỹ thuật	2.6%	DIG, HDG, VCG, PC1

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	-2.0%	TDP, SVI, MCP, TPC
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-1.4%	TLG, ILB, APC, ST8
Dược	-1.2%	DHG, IMP, TRA, DBD
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-1.1%	AST, VNG, DSN, DAH
Tập đoàn công nghiệp	-0.9%	REE, BCG, PET, EVG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	13.5%	PVD, PVT
Phụ tùng oto	12.0%	DRC, CSM, PAC, TNC
Đồ gia dụng	5.6%	TTF, GDT, EVE, SAV
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	4.8%	PLX, PGC, CNG, GSP
Sản xuất điện	3.8%	POW, VSH, GEG, TMP

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-8.5%	MWG, FRT, CTF, HAX
Tập đoàn công nghiệp	-7.2%	REE, BCG, PET, EVG
Thực phẩm	-5.9%	VNM, MSN, KDC, VHC
Hóa chất	-5.7%	GVR, DGC, DPM, DCM
Đồ uống	-5.4%	SAB, BHN, SMB, SCD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	94,679 (4.0)	22.5	28.6	25.3	14.7	6.2	6.6	-	-	0.0	0.4	-2.2	-1.5	
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	123,424 (5.2)	26.6	5.7	5.5	35.9	20.7	17.6	1.1	1.0	0.1	3.2	-6.4	-11.7	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	54,765 (2.3)	17.8	16.9	15.5	-7.6	9.9	10.3	1.7	1.6	-0.9	3.1	-4.3	2.7	
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	196,246 (8.3)	31.3	4.6	3.3	6.7	6.5	-3.4	0.6	0.6	-0.9	5.8	-	22.6	-21.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	42,592 (1.8)	11.6	20.6	14.0	13.7	8.7	12.5	1.5	1.4	0.4	4.4	-3.5	-1.9	
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	136,828 (5.8)	13.9	14.6	19.2	-	5.3	3.8	0.8	0.8	0.0	10.3	-8.9	-12.2	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	80,023 (3.4)	6.3	13.5	11.7	11.7	23.7	21.3	2.6	2.2	0.9	-0.2	0.0	16.3	
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	50,865 (2.1)	12.7	11.1	9.3	-5.3	18.6	19.7	2.0	1.7	-0.7	2.7	8.3	23.4	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	68,305 (2.9)	0.0	4.6	3.9	14.3	17.0	17.5	0.7	0.6	1.8	2.2	1.8	7.5	
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	76,008 (3.2)	1.4	7.5	6.2	50.3	16.7	18.5	1.2	1.1	0.0	5.8	0.0	7.9	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	248,716 (10.5)	0.0	7.2	5.9	18.8	15.4	16.2	1.1	0.9	0.3	5.2	1.1	1.7	
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	130,877 (5.5)	0.0	4.6	3.9	14.6	21.6	20.3	0.9	0.7	1.1	2.3	-3.5	4.1	
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	36,849 (1.6)	4.2	5.1	4.2	23.3	22.0	21.5	1.0	0.8	-0.5	2.8	1.6	16.0	
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	463,225 (19.6)	14.0	6.3	4.6	26.5	21.4	24.0	1.1	0.9	4.5	3.5	8.4	17.8	
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	129,577 (5.5)	0.0	5.5	4.5	37.4	19.8	19.9	1.0	0.8	2.3	2.9	1.0	16.4	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	59,109 (2.5)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.0	11.2	-0.7	-12.4		
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	16,118 (0.7)	21.0	15.2	12.7	15.8	10.9	12.1	1.6	1.5	0.9	0.9	0.2	6.1	
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,063 (0.2)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	2.3	2.7	7.6	25.6	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	243,899 (10.3)	55.4	-	-	-3.2	-	-	-	-	0.0	6.2	2.3	11.9	
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	120,981 (5.1)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-0.4	4.1	2.9	20.4	
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	127,889 (5.4)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-1.0	4.7	2.3	23.0	
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	232,590 (9.8)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	0.0	5.8	2.1	8.9	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	95,732 (4.0)	42.1	18.2	16.4	4.0	29.8	32.1	5.0	4.7	0.0	0.0	2.0	0.5	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	14,807 (0.6)	36.9	21.9	19.3	7.3	22.0	22.5	4.5	4.1	0.0	-0.9	-3.8	11.7	
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	63,719 (2.7)	16.5	23.3	16.9	-51.9	12.3	16.9	3.4	3.0	0.5	2.3	12.0	-13.1	
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	9,553 (0.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.1	1.6	1.4	4.6	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	26,177 (1.1)	11.0	28.0	18.2	-88.5	16.4	27.8	-	-	3.6	0.2	-0.1	-7.0	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	24,517 (1.0)	10.8	13.4	16.8	-57.0	23.7	12.1	1.8	1.7	0.0	2.0	-4.6	13.0	
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	30,713 (1.3)	38.4	20.5	8.5	65.7	3.0	7.3	-	-	2.2	4.2	0.4	7.0	
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-	
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	112,229 (4.7)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	5.0	6.4	-8.4	0.8	
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	8,974 (0.4)	3.6	17.9	8.8	-52.4	1.9	3.8	0.3	0.3	3.7	8.8	5.8	16.0	
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	17,725 (0.7)	0.0	10.1	8.9	-4.5	14.3	14.3	1.3	1.2	0.0	-1.0	-6.2	-4.9	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	20,115 (0.8)	46.1	20.2	17.7	-17.5	19.1	18.0	3.5	3.4	0.8	1.7	-1.2	5.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	19,686 (0.8)	31.4	13.7	10.0	-10.5	14.6	19.2	1.9	1.8	1.3	-1.9	7.9	4.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,617 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	-0.3	-0.6	3.4	21.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	448,358 (18.9)	18.0	11.7	8.1	21.9	10.7	14.2	1.2	1.0	0.0	2.9	2.9	17.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	65,702 (2.8)	36.5	5.7	8.6	-0.5	17.9	13.0	0.9	0.9	0.4	-2.0	-	-20.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	57,469 (2.4)	46.5	7.9	7.7	-4.5	15.2	14.8	1.1	1.1	0.6	-2.9	-	-12.1
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	295,298 (12.5)	38.9	14.5	7.5	67.9	6.1	10.7	0.8	0.7	0.0	4.8	14.0	40.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	29,386 (1.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.1	-0.6	4.4	31.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	26,487 (1.1)	4.6	17.0	14.4	-51.0	9.8	9.8	2.0	1.9	0.3	0.9	2.9	23.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	100,346 (4.2)	39.9	27.2	14.7	-11.9	3.1	5.6	0.9	0.8	-1.1	3.2	7.4	25.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	40,541 (1.7)	35.9	7.7	6.7	2.2	14.5	15.1	1.0	0.9	-1.4	0.7	8.7	-3.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	65,085 (2.7)	0.0	12.0	7.8	14.4	18.8	22.3	1.9	1.4	1.5	-0.7	-9.1	-6.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	25,005 (1.1)	0.0	12.5	10.8	2.4	23.0	23.6	2.5	2.2	-0.1	-0.5	-3.6	-11.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,273 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	4.7	7.1	17.9	26.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	66,522 (2.8)	30.3	20.8	15.8	-75.2	19.8	22.1	3.5	2.8	0.1	2.3	-1.6	5.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	19,198 (0.8)	34.6	9.3	8.7	41.2	21.9	22.7	1.6	1.4	2.6	2.6	-0.2	6.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,369 (0.1)	45.4	13.5	12.4	10.7	21.7	20.8	2.7	2.4	0.1	-1.0	0.8	13.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	59,927 (2.5)	0.0	14.2	11.9	15.5	28.0	29.3	3.4	3.1	1.4	0.8	-0.1	4.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.